

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2023/DS-ST

Ngày: 27/6/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;
2. Bà Bùi Diệu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-DS ngày 11/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST-DS ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Y; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S – 111A Pasteur, phường B, Quận A, Thành phố Z.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Hoài T.

Bà T có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K.X; Sinh năm: 19; Địa chỉ: 52/41/22/13 Đường số 8, khu phố 19, phường B, quận X, Thành phố Z.

Bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng Y và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngân hàng Y (gọi tắt là Y) là nguyên đơn có bà Trần Hoài T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng Y (Y) đã ký với bà Nguyễn Thị K.X Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 17/02/2020 của bà Nguyễn Thị K.X đã ký với Y về việc mở và sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 20/02/2020, Y đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị K.X, chi tiết như sau: Thẻ tín dụng số 5130940000077379; Loại thẻ: Thẻ tín dụng Travel Élite; Hạn mức thẻ: 105,000,000 đồng. Lãi suất, phí theo Biểu phí và Bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Y Travel Élite từng thời kỳ.

2. Sự kiện vi phạm:

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị K.X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thẻ đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 20/10/2020. Bà X đã không tiếp tục thanh toán dư nợ đến hạn vào kỳ tháng 10 vào ngày 15/10/2020, từ ngày 15/10/2020 đến nay bà X chưa thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Y.

Kể từ ngày quá hạn, Y liên tục yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X thanh toán toàn bộ dư nợ, tuy nhiên bà Nguyễn Thị K.X liên tục trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 21/07/2021, Y ban hành thông báo yêu cầu trả nợ số 46944.21 ngày 21/07/2021 yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X thanh toán ngay khoản nợ quá hạn trước ngày 28/07/2021. Đến ngày 28/07/2021 bà X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo yêu cầu của Y nên Y đã tiến hành khởi kiện yêu cầu bà X trả nợ. Vì vậy tại kỳ sao kê tháng 09/2021, Y không tiếp tục tính phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức, phí thường niên thẻ để tạo điều kiện hỗ trợ cho khách hàng trong trường hợp thanh toán thì không tốn nhiều chi phí.

Tạm tính đến ngày 27/06/2023 bà Nguyễn Thị K.X còn nợ Ngân hàng Y số tiền là: 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc: 104.736.808 đồng; Nợ lãi: 78.208.024 đồng; Phí: 32.938.608 đồng.

3. Đề nghị:

Từ những nội dung đã trình bày trên, Ngân hàng Y kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết những yêu cầu sau:

3.1 Buộc bà Nguyễn Thị K.X có nghĩa vụ thanh toán cho Y số tiền (tạm tính đến ngày 27/06/2023) là: 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 104,736,808 đồng; Nợ lãi: 78,208,024 đồng; Nợ phí chậm thanh toán: 22,000,000 đồng; Nợ phí vượt hạn mức: 9,639,608 đồng; Nợ phí thường niên thẻ chính: 1,299,000 đồng.

3.2 Đề nghị Quý Tòa xem xét nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị K.X phải trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Riêng bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 17/02/2020 của bà Nguyễn Thị K.X đã ký với Y về việc mở và sử dụng thẻ tín dụng, có cơ sở xác định Y đã cho bà X vay số tiền 105.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X không thanh toán từ kỳ 10 ngày 15/10/2020 cho đến nay. Số tiền bà X chưa thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc: 104.736.808 đồng; Nợ lãi: 78.208.024 đồng; Phí: 32.938.608 đồng. Nhận thấy bà X vay nợ ngân hàng nhưng không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 465 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Y (sau đây gọi tắt là Y) và bà Nguyễn Thị K.X là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị K.X có nơi cư trú tại số 52/41/22/13 Đường số 8, khu phố 19, phường B, quận X, Thành phố Z. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị K.X vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị K.X đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K.X có nghĩa vụ thanh toán cho Y số tiền (tạm tính đến ngày 27/06/2023) là: 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi

đồng), trong đó: Nợ gốc: 104,736,808 đồng; Nợ lãi: 78,208,024 đồng; Nợ phí chậm thanh toán: 22,000,000 đồng; Nợ phí vượt hạn mức: 9,639,608 đồng; Nợ phí thường niên thẻ chính: 1,299,000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X phải trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 17/02/2020 của bà Nguyễn Thị K.X đã ký với Y về việc mở và sử dụng thẻ tín dụng, có cơ sở xác định Y đã cho bà X vay số tiền 105.000.000 đồng. Việc hai bên giao kết hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010), Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hai bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 17/02/2020, ngày 20/02/2020, Y đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị K.X, chi tiết như sau: Thẻ tín dụng số 5130940000077379; Loại thẻ: Thẻ tín dụng Travel Elite; Hạn mức thẻ: 105,000,000 đồng. Lãi suất, phí theo Biểu phí và Bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Y Travel Elite từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị K.X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thẻ đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 20/10/2020. Bà X đã không tiếp tục thanh toán dư nợ đến hạn vào kỳ tháng 10 vào ngày 15/10/2020, từ ngày 15/10/2020 đến nay bà X chưa thanh toán thêm bất kỳ số tiền nào cho Y.

Ngân hàng cũng đã Thông báo yêu cầu trả nợ số 46944.21 ngày 21/07/2021 yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X thanh toán ngay khoản nợ quá hạn trước ngày 28/07/2021 nhưng bà X không thực hiện. Nay Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X trả ngay cho Ngân hàng Y (tạm tính đến ngày 27/06/2023) là: 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 104,736,808 đồng; Nợ lãi: 78,208,024 đồng; Nợ phí chậm thanh toán: 22,000,000 đồng; Nợ phí vượt hạn mức: 9,639,608 đồng; Nợ phí thường niên thẻ chính: 1,299,000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị K.X phải trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và cũng phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán từ năm 2020 đến nay nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc lãi và các loại phí ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục trả phải trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký đã ký với Ngân hàng Y.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân

dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng Y không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Nguyễn Thị K.X phải nộp án phí tính trên số tiền 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng) phải trả cho ngân hàng, án phí được tính là: 10,794,172 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi hai) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/10/2010 của Quốc Hội);

Căn cứ Điều 20, Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Y đối với bà Nguyễn Thị K.X về việc yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 17/02/2020 của bà Nguyễn Thị K.X.

2. Buộc bà Nguyễn Thị K.X phải trả cho Ngân hàng Y số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 215,883,440 đồng (hai trăm mười lăm triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), trong đó: Nợ gốc: 104,736,808 đồng; Nợ lãi: 78,208,024 đồng; Nợ phí chậm thanh toán: 22,000,000 đồng; Nợ phí vượt hạn mức: 9,639,608 đồng; Nợ phí thường niên thẻ chính: 1,299,000 đồng; trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời, bà Nguyễn Thị K.X có trách nhiệm tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký đã ký với Ngân hàng Y.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng Y số tiền tạm ứng án phí là 4.057.065 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai số 0032644 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị K.X phải nộp 10,794,172 đồng (mười triệu bảy trăm chín

mười bốn nghìn một trăm bảy mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh